TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/8/2017.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thọ.

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Giang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà***: Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Ngọc G Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh T Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị G có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Chị G và anh T sống chung với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 123/KH, quyển số: 01/2011) tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 05/9/2011. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có 01 người con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày: 11/7/2011, hiện cháu K đang sống chung với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị G trình bày không có.

Về nợ chung: Chị G trình bày không có.

- Bị đơn anh Lê Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh con do chị G cung cấp kèm hồ sơ khởi kiện thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập lời khai của ông Lê Văn C (cha của anh Lê Thanh T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc chị Lê Thị Ngọc G khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn anh Lê Thanh T hiện nay đang trú tại xã An L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện T giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh Tùng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 05/9/2011; do đó hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo chị Giàu trình bày thì vợ chồng đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T (do ông Lê Văn C – là cha của anh T nhận thay). Tại biên bản lấy lời khai, ông C xác định anh Tùng hiện nay do có việc bận nên không đi đến Tòa án được và cũng lâu lâu mới ghé nhà một lần, sau khi ông nhận Thông báo thụ lý, hòa giải, công khai chứng cứ của Tòa án thì ông có thông báo cho T biết, tuy nhiên do bận công việc nên T không về được.

Tại phiên Tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của chị G thì giữa vợ chồng có sự bất hòa và đã ly thân từ năm 2011 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được. Khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị G, thì anh Tùng đã biết nhưng anh không đến Tòa án để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có 01 người con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày: 11/7/2011, hiện cháu K đang sống chung với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T không có ý kiến, tại phiên tòa hôm nay anh vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cháu K cho chị G được nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Giàu trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh Tùng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị G trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh Tùng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Lê Thị Ngọc G được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Trọng K (sinh ngày: 11/7/2011 – hiện đang sống chung với chị G) cho chị Lê Thị Ngọc G được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị G không yêu cầu).

Anh Lê Thanh T được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu K, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc G phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 09398 ngày 20/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Chị G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Ủy ban nhân dân xã An Long;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Duy Khang